

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-PT**

Ngày: 24-5-2019

V/v “Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HN&GD-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là TAND thành phố Đ), tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Anh La Nguyễn Phong C, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông. “Có mặt”

+ *Bị đơn:* chị Mã Thị Thu H, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 2, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn La Nguyễn Phong C: Ông Ngô Quốc C2 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quốc tế, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Quốc Lộ 14, phường Tân Phú, tHnh phố Đ, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh La Nguyễn Phong C và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Anh La Nguyễn Phong C và chị Mã Thị Thu H ly hôn theo Bản án Hôn nhân gia đình số 25/2014/HN&GD-ST ngày 18/7/2014 của TAND thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Theo quyết định của Bản án, về con chung cháu La Nhật T, sinh ngày 01/9/2012, giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, thỉnh thoảng anh C vẫn đến thăm con chung, mặc dù Bản án không buộc anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng hàng tháng anh C vẫn tự nguyện gửi tiền cho chị H từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để phụ chị H nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị H về thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước sinh sống cùng mẹ ruột là bà Đồng Thị Đ đã hơn 50 tuổi, chỉ ở nhà nuôi con, không có công ăn việc làm, không có thu nhập, sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ở chung nhà với bà Đ còn có 06 người con, 03 người con đang học, 03 người có gia đình và đang có con nhỏ cũng ở nhà bà Đ. Hơn nữa, từ nhỏ cháu T đã bị bệnh abidan (viêm họng) và MIA (viêm mũi) gây khó thở, thường xuyên phải đi khám và uống thuốc, khi anh C xuống thăm và muốn đưa con đi khám bệnh chị H không cho mà còn mắng chửi, xúc phạm anh C. Nay anh C nhận thấy điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H đối với cháu T không tốt, cháu đang bị bệnh cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng trong khi chị H sức khỏe yếu, không có công ăn, việc làm, lại đang nuôi thêm một con nhỏ nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng vì anh C có sức khỏe tốt, có nhà cửa và đất ở ổn định, hiện anh C đang làm thợ cơ khí tại hộ kinh doanh Đỗ Thị Kim T thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có tài khoản gửi tiết kiệm là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đắk Nông, có 01 diện tích đất ở huyện R, tỉnh Đắk Nông trồng tiêu và cà phê đang cho thu hoạch theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO985506 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp cho anh La Nguyễn Phong C ngày 22/8/2018, anh C đang sống cùng mẹ là bà La Thị T2, bà T2 chỉ ở nhà nội trợ nên có thể phụ giúp anh C trông coi cháu T khi anh C đi làm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Mã Thị Thu H trình bày:

Chị H thống nhất với lời khai của anh C về việc ly hôn và nuôi con chung theo quyết định tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2014/HN&GD-ST ngày 18/7/2014 của TAND thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Từ sau khi ly hôn năm 2012 cho đến nay, chị H thấy không có gì khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, cháu T chăm ngoan và phát triển tốt. Nay anh C yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung thì chị H không đồng ý vì anh C không có chỗ ở ổn định (anh C đang ở nhờ nhà bà nội nuôi là bà La Thị T2), điều kiện và môi trường học tập ở thị xã G không bằng ở thị xã Đ (nay là thành phố Đ). Hơn nữa, từ nhỏ cháu T đã quen với môi trường ở thành phố Đ, hiện nay cháu T đang học ở trường tiểu học Tân Phú B, địa điểm sát ngay nhà chị H, chị H làm tiếp thị thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngoài ra, chị H còn có 01 hecta rẫy trồng cây cao su đang cho thu hoạch, trừ chi phí mỗi tháng còn 10.000.000đ (Mười triệu đồng), mẹ ruột chị H ở nhà làm nội trợ nên phụ chị H chăm con trong thời gian chị H đi làm. Việc anh C trình bày từ khi ly hôn mỗi tháng tự nguyện gửi tiền cho chị H từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để phụ nuôi

cháu T là hoàn toàn không có. Chị H yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của anh C.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HN&GD-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là TAND thành phố Đ), tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh La Nguyễn Phong C về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/11/2018, anh La Nguyễn Phong C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.
- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh C làm trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Chị H đồng ý giao con chung La Nhật T cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; việc chị H giao con cho anh C do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con; chị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở; chị H, anh C hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng; anh C tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phúc thẩm. Xét việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên anh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn anh La Nguyễn Phong C.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HN&GD-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn anh La Nguyễn Phong C và bị đơn chị Mã Thị Thu H về việc giải quyết vụ án “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Sự thỏa thuận của các đương sự có nội dung như sau:

Chị Mã Thị Thu H đồng ý giao con chung là cháu La Nhật T, sinh ngày 01/9/2012 cho anh La Nguyễn Phong C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Mã Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc chị H giao cháu T cho anh C do các bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm về việc giao con chung.

Chị H được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh C, thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Vì quyền và lợi ích tốt nhất về mọi mặt của cháu La Nhật T, khi có căn cứ, chị H, anh C hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh La Nguyễn Phong C tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000527, quyển số 0011 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ (nay là thành phố Đ).

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh La Nguyễn Phong C tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000819, quyển số 0017 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thành phố Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN.

Vũ Hoàng Linh